

Số: 91/2024/QĐST-DS

Thành phố Bến Tre, ngày 26 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành được lập ngày 16 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 168/2024/TLST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Trần Thị Phương T**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số nhà A, khu phố B, phường G, Thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị O**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số nhà A, khu phố B, phường G, Thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Minh V - Văn phòng luật sư Trần Minh V - Đoàn luật sư tỉnh B.

Bị đơn: **Ông Võ Văn V1**, sinh năm 1989.

Địa chỉ thường trú: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre

Đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn V1: **Bà Phan Thị Hồng H**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: C, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trần Thị Phương T và ông Võ Văn V1 thống nhất hủy Hợp đồng cho thuê mặt bằng ngày 29/9/2023 giữa bà Trần Thị Phương T với ông Võ Văn V1.

Ông Võ Văn V1 có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Phương T số tiền 47.770.000 (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng gồm 13.500.000

(Mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng tiền thuê mặt bằng và tiền mua điện thoại 34.270.000 (Ba mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chi phí tố tụng trong vụ án: 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng bà T tự nguyện chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng -đã nộp xong. Ông V1 có trách nhiệm hoàn lại cho bà T hoàn lại cho bà T $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch được giảm 50% là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được giảm 50% là 1.194.200 (Một triệu một trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm) đồng tổng cộng 1.344.200 (Một triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm) đồng: ông Võ Văn V1 tự nguyện chịu 672.100 (Sáu trăm bảy mươi hai nghìn một trăm) đồng, bà Trần Thị Phương T tự nguyện chịu 672.100 (Sáu trăm bảy mươi hai nghìn một trăm) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.618.000 (Một triệu sáu trăm mười tám nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004447 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho bà Trần Thị Phương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 945.900 (Chín trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự.
- TAND tỉnh.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương

